



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

el

tu

eu

noi

el/ea

ea

ce

ei/ele

voi

de ce

unde

cine

când

care

cum

chiar

dacă

apoi

nu

deoarece

dar

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tot

acela

acesta

aici

și

sau

dreapta

stânga

acolo

F
dimineață
dimineața

F
după-amiază
după-amiaza

acum

F
seară
seara

M
zori
zorii

F
noapte
noaptea

F
oră
ora

N
miezul nopții

F
amiază
amiaza

F
zi
ziua

F
secundă
secunda

N
minut
minutul

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

M
an
anul

F
lună
luna

F
săptămână
săptămâna

mâine

astăzi

ieri

miercuri

marți

luni

sâmbătă

vineri

joi

M
bărbat
bărbatul

F
femeie
femeia

duminică

F
iubită
iubita

M
iubit
iubitul

F
iubire
iubirea

N
sex
sexul

N
sărut
sărutul

M
prieten
prietenul

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

M
băiat
băiatul

F
fată
fata

M
copil
copilul

F
mamă
mama

M
tati
tăticul

F
mami
mămica

M
fiu
fiul

M
părinți
părinții

M
tată
tatăl

M
frate mai mic
fratele mai mic

F
soră mai mică
sora mai mică

F
fiică
fiica

M
soț
soțul

M
frate mai mare
fratele mai mare

F
soră mai mare
sora mai mare

mereu

fiecare

F
soție
soția

deja

din nou

de fapt

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

mai mult

cel mai

mai puțin

afară

foarte

niciunul

aproape

departe

înăuntru

lângă

deasupra

dedesubt

toți

înapoi

înainte

^F
primăvară
primăvara

alt

împreună

^F
iarnă
iarna

^F
toamnă
toamna

^F
vară
vara

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

martie

februarie

ianuarie

iunie

mai

aprilie

septembrie

august

iulie

decembrie

noiembrie

octombrie

sud

est

nord

imediat

deseori

vest

deși

deodată

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

doi

unu

zero

cinci

patru

trei

opt

șapte

șase

unsprezece

zece

nouă

paisprezece

treisprezece

doisprezece

șaptesprezece

șaisprezece

cincisprezece

douăzeci

nouăsprezece

optsprezece

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

douăzeci și șase

douăzeci și doi

douăzeci și unu

treizeci și trei

treizeci și unu

treizeci

patruzeci și unu

patruzeci

treizeci și șapte

cincizeci

patruzeci și opt

patruzeci și patru

cincizeci și nouă

cincizeci și cinci

cincizeci și unu

șaizeci și doi

șaizeci și unu

șaizeci

șaptezeci și unu

șaptezeci

șaizeci și șase

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

optzeci

șaptezeci și șapte

șaptezeci și trei

optzeci și opt

optzeci și patru

optzeci și unu

nouăzeci și cinci

nouăzeci și unu

nouăzeci

o sută unu

o sută

nouăzeci și nouă

o sută cincizeci și unu

o sută zece

o sută cinci

două sute șase

două sute doi

două sute

trei sute

două sute șaiszeci și doi

două sute douăzeci

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

trei sute treizeci

trei sute șapte

trei sute trei

patru sute patru

patru sute

trei sute șaptezeci și trei

patru sute optzeci și patru

patru sute patruzeci

patru sute opt

cinci sute nouă

cinci sute cinci

cinci sute

șase sute

cinci sute nouăzeci și cinci

cinci sute cincizeci

șase sute șaisprezece

șase sute șase

șase sute unu

șapte sute doi

șapte sute

șase sute șaiszeci

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

șapte sute șaptezeci

șapte sute douăzeci și șapte

șapte sute șapte

opt sute opt

opt sute trei

opt sute

nouă sute

opt sute optzeci

opt sute treizeci și opt

nouă sute patruzeci și nouă

nouă sute nouă

nouă sute patru

o mie unu

o mie

nouă sute nouăzeci

două mii

o mie două sute treizeci și patru

o mie doisprezece

două mii trei sute patruzeci și cinci

două mii douăzeci și trei

două mii doi

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

patru mii

trei mii trei

trei mii

cinci mii șase sute șaptezeci
și opt

cinci mii

patru mii patruzeci și cinci

șapte mii opt sute nouăzeci

șapte mii

șase mii

nouă mii

opt mii nouă sute unu

opt mii

zece mii unu

zece mii

nouă mii nouăzeci

patruzeci și patru de mii

treizeci de mii trei sute

douăzeci de mii douăzeci

un milion

cinci sute de mii

o sută de mii

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

șaptezeci de milioane

zece milioane

șase milioane

un miliard

opt sute de milioane

o sută de milioane

douăzeci de miliarde

zece miliarde

nouă miliarde

un trilion

trei sute de miliarde

o sută de miliarde

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

a veni

vin, venind, venit

a gândi

gândesc, gândind, gândit

a ști

știu, știind, știut

a găsi

găsesc, găsind, găsit

a lua

iau, luând, luat

a pune

pun, punând, pus

a vorbi

vorbesc, vorbind, vorbit

a lucra

lucrez, lucrând, lucrat

a asculta

ascult, ascultând, ascultat

a ajuta

ajut, ajutând, ajutat

a plăcea

plac, plăcând, plăcut

a da

dau, dând, dat

a aștepta

aștept, așteptând, așteptat

a da un apel telefonic

dau, dând, dat

a iubi

iubesc, iubind, iubit

a închide

închid, închizând, închis

a se așeza

mă așez, așezându-mă, așezat

a sta

stau, stând, stat

a câștiga

câștig, câștigând, câștigat

a pierde

pierd, pierzând, pierdut

a deschide

deschid, deschizând, deschis

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

a aprinde

aprind, aprinzând, aprins

a trăi

trăiesc, trăind, trăit

a muri

mor, murind, murit

a răni

rănesc, rănind, rănit

a ucide

ucid, ucigând, ucis

a stinge

sting, stingând, stins

a bea

beau, bănd, băut

a privi

privesc, privind, privit

a atinge

ating, atingând, atins

a întâlni

întâlnesc, întâlnind, întâlnit

a umbla

umblu, umblând, umblat

a mânca

mănânc, mâncând, mâncat

a urmări

urmăresc, urmărind, urmărit

a săruta

sărut, sărutând, sărutat

a paria

pariez, pariind, pariat

a întreba

întreb, întrebând, întrebat

a răspunde

răspund, răspunzând, răspuns

a se căsători

mă căsătoresc, căsătorindu-mă,
căsătorit

a apăsa

apăs, apăsând, apăsat

a împinge

împing, împingând, împins

a trage

trag, trăgând, tras

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

a lupta

lupt, luptând, luptat

a prinde

prind, prinzând, prins

a lovi

lovesc, lovind, lovit

a citi

citesc, citind, citit

a alerga

alerg, alergând, alergat

a arunca

arunc, aruncând, aruncat

a număra

număr, numărând, numărat

a repara

repar, reparând, reparat

a scrie

scriu, scriind, scris

a cumpăra

cumpăr, cumpărând, cumpărat

a vinde

vând, vânzând, vândut

a tăia

tai, tăind, tăiat

a visa

visez, visând, visat

a studia

studiez, studiind, studiat

a plăti

plătesc, plătind, plătit

a sărbători

sărbătoresc, sărbătorind, sărbătorit

a se juca

mă joc, jucându-mă, jucat

a dormi

dorm, dormind, dormit

a împrușca

împrușc, împrușcând, împrușcat

a curăța

curăț, curățând, curățat

a se bucura

mă bucur, bucurându-mă, bucurat

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

a fura

fur, furând, furat

a ataca

atac, atacând, atacat

a apăra

apăr, apărând, apărat

a zbura

zbor, zburând, zburat

a salva

salvez, salvând, salvat

a arde

ard, arzând, ars

a mușca

mușc, mușcând, mușcat

a șuta

șutez, șutând, șutat

a scuipa

scuip, scuipând, scuipat

a plânge

plâng, plângând, plâns

a mirosi

miros, mirosind, mirosit

a respira

respir, respirând, respirat

a râde

râd, râzând, râs

a zâmbi

zâmbesc, zâmbind, zâmbit

a cânta

cânt, cântând, cântat

a se certa

mă cert, certându-mă, certat

a se micșora

mă micșorez, micșorându-mă,
micșorat

a crește

cresc, crescând, crescut

a ascunde

ascund, ascunzând, ascuns

a hrăni

hrănesc, hrănind, hrănit

a împărți

împart, împărțind, împărțit

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

a sări

sar, sărind, sărit

a înota

înot, înotând, înotat

a avertiza

avertizez, avertizând, avertizat

a livra

livrez, livrând, livrat

a săpa

sap, săpând, săpat

a ridica

ridic, ridicând, ridicat

a călători

călătoresc, călătorind, călătorit

a practica

practic, practicând, practicat

a căuta

caut, căutând, căutat

a încuia

încui, încuind, încuiat

a deschide

deschid, deschizând, deschis

a picta

pictesz, pictând, pictat

a găti

gătesc, gătind, gătit

a se ruga

mă rog, rugându-mă, rugat

a spăla

spăl, spălând, spălat

a cita

citez, citând, citat

a țipa

țip, țipând, țipat

a vomita

vomit, vomitând, vomitat

a câștiga

câștig, câștigând, câștigat

a calcula

calculez, calculând, calculat

a tipări

tipăresc, tipărint, tipărit

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

puțini/puține

vechi
veche, vechi, vechi

nou
nouă, nou, noi

corect
corectă, corect, corecți/corecte

greșit
greșită, greșit, greșiți/greșite

mulți/multe

fericit
fericită, fericit, fericiți/fericite

bun
bună, bun, buni/bune

rău
rea, rău, răi/rele

mic
mică, mic, mici

lung
lungă, lung, lungi

scurt
scurtă, scurt, scurți/scurte

tânăr
tânără, tânăr, tineri/tinere

frumos
frumoasă, frumos, frumoși/frumoase

mare
mare, mare, mari

negru
neagră, negru, negri/negre

alb
albă, alb, albi/albe

bătrân
bătrână, bătrân, bătrâni/bătrâne

verde
verde, verde, verzi

albastru
albastră, albastru, albaștri/albastre

roșu
roșie, roșu, roșii

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

rapid

rapidă, rapid, rapizi/rapide

lent

lentă, lent, lenți/lente

galben

galbenă, galben, galbeni/galbene

corect

corectă, corect, corecți/corecte

nedrept

nedreaptă, nedrept,
nedrepti/nedrepte

amuzant

amuzantă, amuzant,
amuzanți/amuzante

bogat

bogată, bogat, bogați/bogate

simplu

simplă, simplu, simpli/simple

dificil

dificilă, dificil, dificili/dificile

slab

slabă, slab, slabi/slabe

puternic

puternică, puternic,
puternici/puternice

sărac

săracă, sărac, săraci/sărace

mândru

mândră, mândru, mândri/mândre

obosit

obosită, obosit, obosiți/obosite

sigur

sigură, sigur, siguri/sigure

sănătos

sănătoasă, sănătos,
sănătoși/sănătoase

bolnav

bolnavă, bolnav, bolnavi/bolnave

plin

plină, plin, plini/pline

înalt

înaltă, înalt, înalți/înalte

jos

joasă, jos, joși/joase

furios

furioasă, furios, furioși/furioase

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

moale
moale, moale, moi

acru
acră, acru, acri/acre

dulce
dulce, dulce, dulci

prost
proastă, prost, proști/proaste

drăguț
drăguță, drăguț, drăguți/drăguțe

tare
tare, tare, tari

înalt
înaltă, înalt, înalți/înalte

ocupat
ocupată, ocupat, ocupați/ocupate

nebun
nebună, nebun, nebuni/nebune

surprins
surprinsă, surprins,
surprinși/surprinse

îngrijorat
îngrijorată, îngrijorat,
îngrijorați/îngrijorate

scund
scundă, scund, scunzi/scunde

deștept
deșteaptă, deștept,
deștepți/deștepte

rău
rea, rău, răi/rele

cuminte
cuminte, cuminte, cuminți

portocaliu
portocalie, portocaliu, portocalii

fierbinte
fierbinte, fierbinte, fierbinți

rece
rece, rece, reci

roz
roz, roz, roz

maro
maro, maro, maro

gri
gri, gri, gri

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

ușor
ușoară, ușor, ușori/ușoare

greu
grea, greu, grei/grele

plictisitor
plictisitoare, plictisitor,
plictisitori/plictisitoare

însetat
însetată, însetat, însetați/însetate

înfometat
înfometată, înfometat,
înfomețați/înfometate

singur
singură, singur, singuri/singure

plat
plată, plat, plați/plate

abrupt
abruptă, abrupt, abrupti/abrupte

trist
tristă, trist, triști/triste

adânc
adâncă, adânc, adânci

lat
lată, lat, lați/late

îngust
îngustă, îngust, înguști/înguste

murdar
murdară, murdar, murdari/murdare

uriaș
uriașă, uriaș, uriași/uriașe

puțin adânc
adâncă, adânc, adânci

gol
goală, gol, goi/goale

plin
plină, plin, plini/pline

curat
curată, curat, curăți/curate

sexy
sexy, sexy, sexy

ieftin
ieftină, ieftin, ieftini/ieftine

scump
scumpă, scump, scumpi/scumpe

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

generos

generoasă, generos,
generoși/generoase

curajos

curajoasă, curajos,
curajoși/curajoase

leneș

leneșă, leneș, leneși/leneșe

zgomotos

zgomotoasă, zgomotos,
zgomotoși/zgomotoase

uscat

uscată, uscat, uscați/uscate

umed

umedă, umed, umezi/umede

ploios

ploioasă, ploios, ploioși/ploioase

însorit

însorită, însorit, însoriți/însorite

liniștit

liniștită, liniștit, liniștiti/liniștite

înnorat

înnorată, înnorat, înnorați/înnorate

încețoșat

încețoșată, încețoșat,
încețoșați/încețoșate

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

F
alergare
alergarea

N
tenis
tenisul

F
gimnastică
gimnastica

N
fotbal
fotbalul

N
golf
golful

N
ciclism
ciclismul

F
scufundare
scufundarea

N
înot
înotul

N
baschet
baschetul

N
triathlon
triatlonul

N
maraton
maratonul

F
drumeție
drumeția

N
box
boxul

F
haltere
halterele

N
tenis de masă
tenisul de masă

N
snow-board
snow-boardul

N
patinaj artistic
patinajul artistic

N
badminton
badmintonul

N
hochei pe gheață
hocheiul pe gheață

N
schii fond
schiul fond

N
schii
schiul

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

N
volei de plajă
voleiul de plajă

N
handbal
handbalul

N
volei
voleiul

N
baseball
baseballul

N
crichet
crichetul

N
rugbi
rugbiul

F
sărituri în apă
săriturile în apă

N
polo pe apă
poloul pe apă

N
fotbal american
fotbalul american

N
canotaj
canotajul

F
navigație
navigația

N
surfing
surfingul

N
parașutism
parașutismul

N
dans
dansul

F
yoga
yoga

N
bowling
bowlingul

N
poker
pokerul

N
șah
șahul

N
balet
baletul

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

M
cal
calul

F
vacă
vaca

M
porc
porcul

F
maimuță
maimuța

F
oaie
oaia

M
câine
câinele

F
găină
găina

M
urs
ursul

F
pisică
pisica

F
albină
albina

M
fluture
fluturele

F
rață
rața

M
șarpe
șarpele

M
păianjen
păianjenul

M
pește
peștele

M
iepure
iepurele

M
șoarece
șoarecele

M
tigru
tigru

M
elefant
elefantul

M
măgar
măgarul

M
leu
leul

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

M
țânțar
țânțarul

M
gândac
gândacul

M
porumbel
porumbelul

F
balenă
balena

F
furnică
furnica

F
muscă
musca

M
melc
melcul

M
delfin
delfinul

M
rechin
rechinul

M
urs polar
ursul polar

M
panda
panda

F
broască
broasca

M
cangur
cangurul

M
koala
koala

M
lup
lupul

M
hipopotam
hipopotamul

F
vulpe
vulpea

F
girafă
girafa

F
lebădă
lebăda

M
corb
corbul

M
liliac
liliacul

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

M
pinguin
pinguinul

F
bufniță
bufnița

M
pescăruș
pescărușul

F
libelulă
libelula

F
omidă
omida

M
papagal
papagalul

M
căluț de mare
căluțul de mare

F
caracatiță
caracatița

M
calmar
calmarul

M
rac
racul

F
meduză
meduza

F
focă
foca

M
crocodil
crocodilul

F
țestoasă
țestoasa

M
dinozaur
dinozaurul

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

America

Asia

Europa

Spania

Regatul Unit

Africa

Franța

Italia

Elveția

Singapore

Thailanda

Germania

Israel

Japonia

Rusia

Statele Unite ale Americii

China

India

Chile

Canada

Mexic

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Africa de Sud

Argentina

Brazilia

Libia

Maroc

Nigeria

Egipt

Algeria

Kenya

Australia

Noua Zeelandă

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

M
păr
părul

N
nas
nasul

N
cap
capul

M
ochi
ochiul

F
ureche
urechea

F
gură
gura

F
inimă
inima

N
picioar
picioarul

F
mână
mâna

N
fund
fundul

N
gât
gâtul

N
creier
creierul

N
picioar
picioarul

M
genunchi
genunchiul

M
umăr
umărul

M
sân
sânul

F
burtă
burtă

N
braț
brațul

F
limbă
limba

M
dinte
dintele

N
spate
spatele

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

N
deget de la picior
degetul de la picior

N
deget
degetul

F
buză
buză

M
ficat
ficatul

M
plămân
plămânul

N
stomac
stomacul

N
intestin
intestinul

M
rinichi
rinichiul

M
nerv
nervul

M
obraz
obrazul

F
bărbie
bărbia

F
frunte
fruntea

N
deget mic
degetul mic

N
deget mare
degetul mare

F
barbă
barba

N
deget arătător
degetul arătător

N
deget mijlociu
degetul mijlociu

N
deget inelar
degetul inelar

F
coloană vertebrală
coloana vertebrală

N
călcâi
călcâiul

F
unghie
unghia

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

N
schelet
scheletul

N
os
osul

M
mușchi
mușchiul

F
vezică
vezica

F
vertebră
vertebra

F
coastă
coasta

N
vagin
vaginul

F
arteră
artera

F
venă
vena

N
testicul
testiculul

N
penis
penisul

F
spermă
sperma

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

F
baie
baia

F
bucătărie
bucătăria

F
ușă
ușa

F
grădină
grădina

N
dormitor
dormitorul

F
sufragerie
sufrageria

N
subsol
subsolul

M
perete
peretele

N
garaj
garajul

N
acoperiș
acoperișul

F
scară
scara

F
toaletă
toaleta

F
ceașcă
ceașca

N
cuțit
cuțitul

F
fereastră
fereastra

N
pahar
paharul

F
farfurie
farfuria

N
pahar
paharul

N
birou
biroul

N
castron
castronul

N
coș de gunoi
coșul de gunoi

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xếp

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

N
duș
dușul

F
oglină
oglină

N
pat
patul

N
ceas
ceasul

F
fotografie
fotografia

F
canapea
canapeaua

M
vecin
vecinul

N
scaun
scaunul

F
masă
masa

F
mansardă
mansarda

N
balcon
balconul

N
lift
liftul

N
bețșor
bețșorul

F
lingură de lemn
lingura de lemn

N
horn
hornul

F
furculiță
furculița

F
lingură
lingura

N
tacâm
tacâmul

F
tigaie
tigaia

F
oală
oala

N
polonic
polonicul

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

F
perdea
perdeaua

F
biblioteca
biblioteca

N
bec
becul

F
pătură
pătura

F
pernă
perna

F
saltea
salteaua

N
șifonier
șifonierul

N
sertar
sertarul

N
raft
raftul

N
cântar
cântarul

F
mătură
mătura

F
găleată
găleata

N
prosop de baie
prosopul de baie

F
cadă
cada

M
coș de rufe
coșul de rufe

N
prosop
prosopul

F
hârtie igienică
hârtia igienică

N
săpun
săpunul

F
cutie poștală
cutia poștală

F
scară
scara

N
chiuvetă
chiuveta

hàng rào



Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

N
lapte
laptele

F
brânză
brânza

N
ou
oul

N
os
osul

F
carne
carnea

M
pește
peștele

N
zahăr
zahărul

F
pâine
pâinea

N
ulei
uleiul

F
prăjitură
prăjitura

F
bomboană
bomboana

F
ciocolată
ciocolata

N
ceai
ceaiul

F
cafea
cafeaua

F
apă
apa

F
salată
salata

N
vin
vinul

F
bere
berea

N
mic dejun
micul dejun

N
desert
desertul

F
supă
supa

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

F
pizza
pizza

F
cină
cina

N
prânz
prânzul

N
iaurt
iaurtul

N
unt
untul

F
înghețată
înghețata

N
jambon
jambonul

N
somon
somonul

M
ton
tonul

F
carne de curcan
carnea de curcan

M
cârnat
cârnatul

N
bacon
baconul

F
carne de porc
carnea de porc

F
carne de vită
carnea de vită

F
carne de pui
carnea de pui

F
ciupercă
ciuperca

M
dovleac
dovleacul

F
carne de miel
carnea de miel

M
praz
prazul

M
usturoi
usturoiul

F
trufă
trufa

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

M
cartof dulce
cartoful dulce

F
vânătă
vânăta

N
ghimbir
ghimbirul

N
chili
chili

M
castravete
castravetele

M
morcov
morcovul

M
cartof
cartoful

F
ceapă
ceapa

M
ardei
ardeiul

N
broccoli
broccoliul

F
varză
varza

F
conopidă
conopida

M
bambus
bambusul

N
spanac
spanacul

F
salată
salata

F
mazăre
mazărea

F
țelină
țelina

N
porumb
porumbul

N
măr
mărul

F
pară
para

F
fasole
fasolea

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

F
curmală
curmala

F
smochină
smochina

F
măslină
măslina

F
alună
aluna

F
migdală
migdala

F
nucă de cocos
nuca de cocos

M
mango
mangoul

F
banană
banana

F
arahidă
arahida

M
ananas
ananasul

N
avocado
avocadoul

N
kiwi
kiwiul

M
pepene galben
pepenele galben

M
strugure
strugurele

M
pepene verde
pepenele verde

F
căpșună
căpșuna

F
afină
afina

F
zmeură
zmeura

F
caisă
caisa

F
prună
pruna

F
cireșă
cireașa

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

N
grepfrut
grepfrutul

F
lămâie
lămâia

F
piersică
piersica

F
mentă
menta

F
roşie
roşia

F
portocală
portocala

F
vanilie
vanilia

F
scoţişoară
scoţişoara

F
lămâiţă
lămâiţa

N
curry
curryul

M
piper
piperul

F
sare
sarea

N
oţet
oţetul

N
tofu
tofu

M
tutun
tutunul

F
făină
făina

M
lapte de soia
laptele de soia

M
tăiţe
tăiţei

N
grâu
grâul

N
ovăz
ovăzul

N
orez
orezul

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

F
miere
mierea

F
nucă
nuca

F
soia
soia

F
clătită
clătita

F
gumă de mestecat
guma de mestecat

N
gem
gemul

F
brioșă
brioșa

F
budincă
budinca

N
fursec
fursecul

N
suc de portocale
sucul de portocale

N
energizant
energizantul

F
gogoasă
gogoșa

F
cola
cola

N
milkshake
milkshake-ul

N
suc de mere
sucul de mere

N
rom
romul

N
cocktail
cocktailul

F
ciocolată caldă
ciocolata caldă

N
menu
meniul

F
votcă
votca

N
whisky
whiskyul

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

N
sushi
sushiul

F
spaghete
spaghetetele

N
fructe de mare
fructele de mare

F
aripioare de pui
aripioarele de pui

N
chipsuri
chipsurile

N
popcorn
popcornul

F
maioneză
maioneza

N
muștar
muștarul

M
cartofi prăjiți
cartofii prăjiți

M
hotdog
hotdogul

N
sandviș
sandvișul

N
ketchup
ketchupul

M
burger
burgerul

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

F
temă pentru acasă
tema pentru acasă

F
biblioteca
biblioteca

F
carte
cartea

F
științe
științele

F
lecție
lecția

N
examen
examenul

N
pix
pixul

F
arte
artele

F
istorie
istoria

al doilea

primul

N
creion
creionul

F
cercetare
cercetarea

al patrulea

al treilea

N
dictionar
dictionarul

N
teren de sport
terenul de sport

N
grad
gradul

F
geometrie
geometria

N
caiet
caietul

N
semestru
semestrul

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

F
economie
economia

F
filozofie
filozofia

F
politică
politica

F
matematică
matematica

F
biologie
biologia

F
educație fizică
educația fizică

F
chimie
chimia

F
literatură
literatura

F
geografie
geografia

F
radieră
radiera

F
riglă
rigla

F
fizică
fizica

N
lipici
lipiciul

F
bandă adezivă
banda adezivă

F
foarfecă
foarfeca

trei la sută

F
agrafă de birou
agrafa de birou

N
pix cu bilă
pixul cu bilă

M
metru cub
metrul cub

zero la sută

sută la sută

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

M
metru
metrul

F
milă
mila

M
metru pătrat
metrul pătrat

M
decimetru
decimetrul

M
centimetru
centimetrul

M
milimetru
milimetrul

F
înmulțire
înmulțirea

F
scădere
scăderea

F
adunare
adunarea

N
volum
volumul

F
arie
aria

F
împărțire
împărțirea

N
triunghi
triunghiul

N
pătrat
pătratul

N
dreptunghi
dreptunghiul

M
mililitru
mililitrul

M
litru
litrul

N
cerc
cercul

N
gram
gramul

N
kilogram
kilogramul

F
tonă
tona

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

F
pâlnie
pâlnia

N
microscop
microscopul

M
magnet
magnetul

N
curs
cursul

N
laborator
laboratorul

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

N
diamant
diamantul

N
foc
focul

F
cenușă
cenușa

F
stea
steaua

M
soare
soarele

Luna

N
lac
lacul

F
coastă
coasta

F
planetă
planeta

N
deal
dealul

N
deșert
deșertul

F
pădure
pădurea

F
vale
valea

N
râu
râul

F
piatră
piatra

N
ocean
oceanul

F
insulă
insula

M
munte
muntele

F
zăpadă
zăpada

F
gheață
gheața

F
mare
marea

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

N
vânt
vântul

F
ploaie
ploaia

F
vijelie
vijelia

M
trandafir
trandafirul

F
iarbă
iarba

M
copac
copacul

N
sol
solul

N
metal
metalul

F
floare
floarea

N
nisip
nisipul

M
cărbune
cărbunele

F
lavă
lava

M
satelit
satelitul

F
rachetă
racheta

F
argilă
argila

N
continent
continentul

M
asteroid
asteroidul

F
galaxie
galaxia

Polul Nord

Polul Sud

N
ecuator
ecuatorul

sưởi

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

F
peșteră
peștera

F
pădure tropicală
pădurea tropicală

N
izvor
izvorul

M
ghețar
ghețarul

N
litoral
litoralul

F
cascadă
cascada

M
vulcan
vulcanul

N
crater
craterul

N
cutremur
cutremurul

F
ceață
ceața

F
inundație
inundația

F
atmosferă
atmosfera

N
fulger
fulgerul

N
tunet
tunetul

N
curcubeu
curcubeul

N
taifun
taifunul

F
temperatură
temperatura

F
furtună
furtuna

F
ramură
ramura

M
nor
norul

N
uragan
uraganul

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

N
trunchi
trunchiul

F
rădăcină
rădăcina

F
frunză
frunza

M
dioxid de carbon
dioxidul de carbon

N
plastic
plasticul

F
sămânță
sămânța

N
oxigen
oxigenul

N
fier
fierul

M
atom
atomul

N
argint
argintul

N
aur
aurul

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

N
tren
trenul

N
autobuz
autobuzul

F
mașină
mașina

N
avion
avionul

F
stație de autobuz
stația de autobuz

F
gară
gara

F
bicicletă
bicicleta

N
autocamion
autocamionul

F
navă
nava

N
semafor
semaforul

N
taxi
taxiul

F
motocicletă
motocicleta

F
baterie
bateria

F
șosea
șoseaua

F
parcare
parcarea

N
volan
volanul

N
airbag
airbagul

N
motor
motorul

N
portbagaj
portbagajul

N
pneu
pneul

F
centură de siguranță
centura de siguranță

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

N
metrou
metroul

F
casă de bilete
casa de bilete

N
automat de bilete
automatul de bilete

N
tramvai
tramvaiul

F
locomotivă
locomotiva

N
tren de mare viteză
trenul de mare viteză

N
aeroport
aeroportul

N
microbuz
microbuzul

N
autobuz școlar
autobuzul școlar

F
clasă întâi
clasa întâi

N
elicopter
elicopterul

F
linie aeriană
linia aeriană

F
vestă de salvare
vesta de salvare

F
clasă business
clasa business

F
clasă economică
clasa economică

F
navă de croazieră
nava de croazieră

N
submarin
submarinul

N
container
containerul

N
feribot
feribotul

N
iaht
iahtul

N
portcontainer
portcontainerul

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

N
radar
radarul

F
barcă de salvare
barca de salvare

N
port
portul

F
stație de alimentare
stația de alimentare

N
pavaj
pavajul

N
iluminat stradal
iluminatul stradal

N
ambuteiaj
ambuteiajul

F
trecere de pietoni
trecerea de pietoni

N
șantier de construcție
șantierul de construcție

N
excavator
excavatorul

N
tanc
tancul

F
autostradă
autostrada

N
scuter
scuterul

F
remorcă
remorca

N
tractor
tractorul

F
telecabină
telecabina

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

F
casă
casa

F
școală
școala

N
spital
spitalul

N
supermarket
supermarketul

F
piață
piața

F
bon
bonul

F
fermă
ferma

F
universitate
universitatea

N
apartament
apartamentul

N
bar
barul

N
restaurant
restaurantul

F
biserică
biserica

F
toaletă
toaleta

N
parc
parcul

F
sală de fitness
sala de fitness

F
poliție
poliția

F
ambulanță
ambulanța

F
hartă
harta

F
suburbie
suburbia

F
țară
țara

M
pompieri
pompierii

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

N
centru comercial
centrul comercial

F
garanție
garanția

N
sat
satul

N
castel
castelul

M
zgârie-nori
zgârie-noriul

F
farmacie
farmacia

N
templu
templul

F
sinagogă
sinagoga

F
ambasadă
ambasada

F
primărie
primăria

F
moschee
moscheea

F
fabrică
fabrica

N
club de noapte
clubul de noapte

F
fântână arteziană
fântâna arteziană

F
poștă
poșta

N
stadion de fotbal
stadionul de fotbal

N
teren de golf
terenul de golf

F
bancă
banca

N
centru de informare turistică
centrul de informare turistică

N
teren de tenis
terenul de tenis

F
piscină
piscina

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

N
muzeu
muzeul

F
galerie de artă
galeria de artă

N
cazino
cazinoul

N
acvariu
acvariul

N
suvenir
suvenirul

N
parc național
parcul național

N
parc acvatic
parcul acvatic

N
montagne russe
montagne russe

N
tobogan de apă
toboganul de apă

F
ieșire de urgență
ieșirea de urgență

N
loc de joacă
locul de joacă

F
grădină zoologică
grădina zoologică

F
secție de poliție
secția de poliție

N
extinctor
extinctorul

F
alarmă de incendiu
 alarma de incendiu

F
capitală
capitala

F
regiune
regiunea

N
stat
statul

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

F
operație
operația

M
pacient
pacientul

N
accident
accidentul

F
tuse
tusea

F
febră
febra

F
pastilă
pastila

F
sală de așteptare
sala de așteptare

F
terapie intensivă
terapia intensivă

F
secție de urgență
secția de urgență

F
dată de expirare
data de expirare

F
somnifer
somniferul

F
aspirină
aspirina

N
efect secundar
efectul secundar

N
sirop de tuse
siropul de tuse

N
dozaj
dozajul

F
capsulă
capsula

F
pudră
pudra

F
insulină
insulina

N
antibiotic
antibioticul

N
analgezic
analgezicul

F
vitamină
vitamina

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

N
infarct miocardic
infarctul miocardic

M
virus
virusul

F
bacterie
bacteria

N
atac vascular cerebral
atacul vascular cerebral

N
diabet
diabetul

F
diaree
diareea

F
gripă
gripa

N
cancer
cancerul

N
astm
astmul

F
durere de gât
durerea de gât

F
arsură solară
arsura solară

F
durere de măsea
durerea de măsea

F
alergie
alergia

F
infecție
infecția

F
durere de stomac
durerea de stomac

F
seringă
seringa

F
durere de cap
durerea de cap

F
crampă
crampa

N
dispozitiv ultrasonic
dispozitivul ultrasonic

F
fotografie cu raze X
fotografia cu raze X

F
cârjă
cârja

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

N
ghips
ghipsul

N
scaun cu rotile
scaunul cu rotile

N
plasture
plasturele

F
urgență
urgența

F
rană
rana

N
puls
pulsul

F
fractură
fractura

F
arsură
arsura

F
comotie
comotia

N
test de sarcină
testul de sarcină

F
pilulă anticoncepțională
pilula anticoncepțională

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

M
polițist
polițistul

F
asistentă medicală
asistenta medicală

M
doctor
doctorul

M
detectiv
detectivul

M
căpitan
căpitanul

M
președinte
președintele

M
profesor
profesorul

M
profesor
profesorul

M
pilot
pilotul

M
asistent
asistentul

F
secretară
secretara

M
avocat
avocatul

M
bucătar
bucătarul

M
manager
managerul

M
 judecător
judecătorul

N
model
modelul

M
șofer de autobuz
șoferul de autobuz

M
șofer de taxi
șoferul de taxi

M
farmacist
farmacistul

M
prim-ministru
prim-ministrul

M
artist
artistul

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

M
antreprenor
antreprenorul

M
dentist
dentistul

M
pompier
pompierul

F
stewardesă
stewardesa

M
programator
programatorul

M
politician
politicianul

M
arhitect
arhitectul

F
învățătoare
învățătoarea

M
om de știință
omul de știință

M
procuror
procurorul

M
consultant
consultantul

M
contabil
contabilul

M
proprietar
proprietarul

M
bodyguard
bodyguardul

M
manager general
managerul general

M
soldat
soldatul

M
paznic
paznicul

M
chelner
chelnerul

M
instalator
instalatorul

M
om de serviciu
omul de serviciu

M
pescar
pescarul

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

M
recepționar
recepționarul

M
fermier
fermierul

M
electrician
electricianul

F
coafeză
coafeza

M
casier
casierul

M
poștaş
poștașul

M
fotograf
fotograful

M
jurnalist
jurnalistul

M
autor
autorul

M
muzician
muzicianul

M
cântăreț
cântărețul

M
salvamar
salvamarul

M
antrenor
antrenorul

M
reporter
reporterul

M
actor
actorul

M
arbitru
arbitrul

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

N
stres
stresul

N
birou
biroul

M
bani
banii

N
departament
departamentul

N
personal
personalul

F
asigurare
asigurarea

F
scrisoare
scrisoarea

F
adresă
adresa

N
salariu
salariul

F
adresă de e-mail
adresa de e-mail

N
url
url-ul

N
număr de telefon
numărul de telefon

F
semnătură
semnătura

N
e-mail
e-mailul

N
website
website-ul

N
client
clientul

N
profit
profitul

F
pagubă
paguba

F
parolă
parola

N
card de credit
cardul de credit

F
sumă
suma

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

F
sală de ședințe
sala de ședințe

F
taxă
taxa

N
bancomat
bancomatul

F
resurse umane
resursele umane

IT

F
carte de vizită
cartea de vizită

N
departament de marketing
departamentul de marketing

N
departament de contabilitate
departamentul de contabilitate

N
departament juridic
departamentul juridic

M
angajator
angajatorul

M
coleg
colegul

N
departament de vânzări
departamentul de vânzări

F
prezentare
prezentarea

F
notiță
nota

M
angajat
angajatul

N
proiector
proiectorul

F
șampilă
ștampila

N
dosar
dosarul

N
plic
plicul

N
timbru
timbrul

N
colet
coletul

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

F
bursă
bursa

F
investiție
investiția

N
navigator
navigatorul

F
dobândă
dobânda

F
monedă
moneda

F
bancnotă
bancnota

N
cont bancar
contul bancar

N
număr de cont
numărul de cont

N
împrumut
împrumutul

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

F
cameră foto
camera foto

N
televizor
televizorul

N
telefon
telefonul

N
aer condiționat
aerul condiționat

N
ventilator
ventilatorul

N
radio
radioul

N
aspirator
aspiratorul

N
prăjitor de pâine
prăjitorul de pâine

F
cafetieră
cafetiera

F
mașină de spălat vase
mașina de spălat vase

N
ceainic
ceainicul

N
uscător de păr
uscătorul de păr

N
cuptor cu microunde
cuptorul cu microunde

N
cuptor
cuptorul

N
aragaz
aragazul

F
telecomandă
telecomanda

F
mașină de spălat
mașina de spălat

N
frigider
frigiderul

F
tastatură
tastatura

N
mouse
mouse-ul

F
casă
casca

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

N
scaner
scanerul

F
memorie USB
memoria USB

N
harddisk
harddiskul

N
laptop
laptopul

N
ecran
ecranul

F
imprimantă
imprimanta

N
difuzor
difuzorul

M
robot
robotul